

Số: 2160053

|                                                | Kia New Seltos 1.5L Premium | Kia New Seltos 1.5 Turbo Deluxe |
|------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 749.000.000đ                | 654.000.000đ                    |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                             |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4365 x 1800 x 1645          | 4365 x 1800 x 1645              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2610                        | 2610                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                        | 5300                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 190                         | 190                             |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1234                        | 1234                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1690                        | 1690                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 433                         | 433                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 50                          | 50                              |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                           | 5                               |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước            | SX-LR trong nước                |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                             |                                 |
| Loại động cơ                                   | Smartstream 1.5G            | Smartstream 1.5L                |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1497                        | 1497                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 113 Hp/ 6.300 rpm           | 113 Hp/ 6.300 rpm               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 Nm/ 4.500 rpm           | 144 Nm/ 4.500 rpm               |
| Hộp số                                         | Hộp số vô cấp CVT           | Hộp số vô cấp CVT               |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)             | Cầu trước (FWD)                 |
| Hệ thống treo trước                            | McPherson                   | McPherson                       |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh cân bằng              | Thanh cân bằng                  |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                         | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                         | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R17                  | 215/60 R17                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | n/a                         | n/a                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | n/a                         | n/a                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | n/a                         | n/a                             |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                           | -                               |
| Chế độ lái                                     | Normal/Eco/Sport            | Normal/Eco/Sport                |
| Chế độ địa hình                                | Snow/Mud/Sand               | Snow/Mud/Sand                   |
| NGOẠI THẤT:                                    |                             |                                 |
| Cụm đèn trước                                  | LED                         | Halogen                         |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                           | ●                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                           | -                               |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                           | -                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                           | -                               |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                           | Halogen                         |
| Đèn sương mù                                   | LED                         | Halogen                         |
| Cụm đèn sau                                    | LED                         | Halogen                         |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                           | ●                               |
| Gạt mưa tự động                                | ●                           | -                               |
| Cửa sổ trời                                    | ●                           | -                               |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                             |                                 |

|                                      |                                             |                |
|--------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                                           | ●              |
| Chất liệu ghế                        | Da                                          | Da             |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                                           | ●              |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                                           | -              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                                           | -              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                                           | ●              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                                           | -              |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | ●                                           | -              |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                                           | -              |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                                           | -              |
| Tính năng cửa hít                    | -                                           | -              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                                           | ●              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 4.2"                                        | 4.2"           |
| Màn hình HUD                         | -                                           | -              |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 10.25"                                      | 10.25"         |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                                           | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                                           | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | Tự động 2 vùng                              | Tự động 2 vùng |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                                           | ●              |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                                           | ●              |
| Khởi động nút bấm                    | ●                                           | ●              |
| Khởi động từ xa                      | ●                                           | ●              |
| Hệ thống âm thanh                    | 6 loa                                       | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                        | ●                                           | -              |
| Sạc không dây Qi                     | ●                                           | -              |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                                           | -              |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                                           | -              |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                                           | -              |
| Rèm che nắng                         | -                                           | -              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                                           | ●              |
| Trang bị khác                        | Kia connect; Gương chiếu hậu chống chói ECM |                |

#### AN TOÀN:

|                                                 |     |   |
|-------------------------------------------------|-----|---|
| Số túi khí                                      | 6   | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●   | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●   | ● |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●   | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●   | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●   | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●   | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | n/a | - |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●   | ● |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●   | - |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●   | - |

|                                          |   |   |
|------------------------------------------|---|---|
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | - | - |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | - | - |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ● | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● | ● |
| Camera lùi                               | ● | ● |